

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **118/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-7-2023.

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Quang.
2. Ông Đinh Xuân Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1030/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 20/4 khu 4, ấp TT, xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Vòng A S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 943 đường ST – BH, Ấp TV, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:**

Bà L và ông Vòng A S kết hôn với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn theo Bản án số 112/2021/HNGĐ-ST ngày 31/12/2021. Theo bản án trên, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, đến nay bà L và ông S vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Quá trình chung sống, bà L và ông S có tạo lập được khối tài sản chung là diện tích đất là 6428m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc thửa đất trên là của bà Lý Liên đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 578656 ngày 25/6/2020. Sau đó bà L và ông S nhận chuyển nhượng từ mẹ chồng là bà Lý Liên, tuy nhiên do là mẹ con nên bà L, ông S và bà Liên đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất mà không làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để không phải nộp thuế. Việc tặng cho trên đã được ghi nhận tại mục IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Trảng Bom ngày 01/12/2020.

Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom chia khối tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 6.428 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể chia mỗi người ½ khối tài sản chung, bà L yêu cầu được lấy đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom; còn chia cho ông Vòng A S phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Bà L đồng ý với kết quả đo đạc và chứng thư thẩm định giá. Bà L không yêu cầu giải quyết căn nhà trên đất cũng như giá trị chênh lệch của hai phần đất. Đối với chi phí tố tụng, bà L yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn ông Vòng A S trình bày:

Cha ông S là ông Vòng Gì Tắc được UBND huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K625729 diện tích 15.115m² tại xã BH với các thửa đất số 281 tờ bản đồ số 6, thửa 253, 230 tờ bản đồ số 5. Năm 2007 cha ông S mất, đến năm 2017 mẹ ông S được thừa kế thửa đất số 281 tờ bản đồ số 6; năm 2020 mẹ ông S được thừa kế thửa đất số 230 tờ bản đồ số 5. Tháng 3/2020, mẹ ông S có đơn đăng ký biến động nội dung thửa đất số 230 tờ bản đồ số 5 diện tích 6430m² biến động thành thửa 172 tờ bản đồ số 22 diện tích 6428m².

Khi cha ông S chết, mẹ và các anh chị em trong gia đình có thỏa thuận để ông S canh tác, sử dụng ½ diện tích đất tại thửa đất số 253 tờ bản đồ số 5 xã BH. Đến năm 2020, do mẹ ông S có nhu cầu sử dụng phần diện tích tại thửa đất số 253 tờ bản đồ số 5 xã BH nên đòi lại cho ông S canh tác phần diện tích khoảng 4000m² tại thửa đất số 172 tờ bản đồ số 22 và bán lại vợ chồng ông S phần diện tích 2428m² còn lại của thửa đất này với giá 300.000.000 đồng. Như vậy, mẹ ông S vừa bán, vừa cho vợ chồng ông S thửa đất số 172 tờ bản đồ số 22 xã BH nên mẹ ông S đã làm hợp đồng tặng cho thửa đất số 172 tờ bản đồ số 22 xã BH cho vợ chồng ông S và được UBND xã BH chứng thực ngày

24/11/2020; số chứng thực 272; quyền số 01-SCT/HĐGD.

Sau khi được mẹ ông S tặng cho thửa đất trên thì vợ chồng ông S cùng nhau sinh sống trên thửa đất này, bà L đi làm công ty còn ông S trực tiếp canh tác cây trồng trên phần diện tích đất này. Đến ngày 31/12/2021 vợ chồng ông S đã giải quyết ly hôn theo Bản án số 121/2021/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Nay ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S xác định thửa đất số 172 tờ bản đồ số 22 xã BH là tài sản chung của vợ chồng tuy nhiên nguồn gốc thửa đất này là của cha mẹ ông S cho ông S, bà L đi làm công nhân không có công sức đóng góp gì vào thửa đất số 172 tờ bản đồ số 22 xã BH nên ông S không đồng ý chia đôi tài sản chung này cho bà L. Trường hợp bà L vẫn cương quyết yêu cầu chia tài sản chung này thì ông S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông S đồng ý đối với kết quả đo vẽ và chứng thư thẩm định giá và không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc chia tài sản sau khi ly hôn. Chia đôi khối tài sản chung là diện tích đất 6.428 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 3214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Chia cho ông Vòng A S quản lý sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Ông Vòng A S có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Về chi phí tố tụng: Bà L đã nộp tổng cộng là 91.340.000 đồng (Chín mươi một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó chi phí đo vẽ là 1.340.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) (Làm tròn), chi phí thẩm định giá là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Do chia đôi tài sản chung mỗi người $\frac{1}{2}$ nên chi phí tố tụng mỗi người cũng phải chịu $\frac{1}{2}$. Ông S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L số tiền là 45.670.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà L, ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Bà L, ông S xác định quá trình chung sống vợ chồng có khối tài sản chung là diện tích đất 6428m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 578656 ngày 25/6/2020 cho bà Lý Liên, điều chỉnh biến động ngày 01/12/2020: tặng cho ông Vòng A S và bà Nguyễn Thị Mỹ L có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Tuy nhiên ông S không đồng ý chia đôi khối tài sản trên do nguồn gốc của khối tài sản trên là vợ chồng ông S nhận chuyển nhượng phần diện tích 2428m² từ mẹ ruột ông S còn 4000m² còn lại do mẹ ông S tặng cho hai vợ chồng. Bà L yêu cầu chia đôi khối tài sản chung trên và bà xin được lấy bằng hiện vật cụ thể bà L xin được lấy phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom còn chia cho ông Vòng A S phần diện tích đất là 3.214 m² m² được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Phần đất bà L xin được nhận có giá trị thấp hơn của ông S và căn nhà trên phần đất của ông S thì bà L không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy, thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Vòng A S được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 578656, số vào sổ cấp GCN: CS04166 ngày 25/6/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Lý Liên, điều chỉnh biến động tặng cho ông Vòng A S và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được ghi nhận tại mục IV có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Trảng Bom theo hồ số số: 001471.TA.002 ngày 01/12/2020 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Vòng A S là diện tích đất 6428m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử

dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom; giá trị phần diện tích đất trên theo Chứng thư thẩm định giá số 405/CT-SV ngày 22/6/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Sen Việt là 2.601.432.500 đồng (Hai tỷ sáu trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng). Giao cho ông Vòng A S quản lý sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom; giá trị phần diện tích đất trên theo Chứng thư thẩm định giá số 405/CT-SV ngày 22/6/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Sen Việt là 2.619.410.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười chín triệu bốn trăm mười ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Vòng A S có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà L đã nộp tổng cộng là 91.340.000 đồng (Chín mươi một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) trong đó chi phí đo vẽ là 1.340.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) (Làm tròn), chi phí thẩm định giá là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Do chia đôi tài sản chung mỗi người $\frac{1}{2}$ nên chi phí tố tụng mỗi người cũng phải chịu $\frac{1}{2}$. Ông S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L số tiền là 45.670.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

[4]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà L, ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được nhận. Cụ thể, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 84.029.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng) (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 00001803 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà L còn phải nộp thêm số tiền là 76.529.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng). Ông Vòng A S phải nộp 84.388.000 đồng (Tám mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) (Làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 203, Điều 220, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc chia tài sản sau khi ly hôn với ông Vòng A S. Chia đôi khối tài sản chung là diện tích đất 6.428 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ 22, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

1.2. Chia cho ông Vòng A S quản lý sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 1) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Ông Vòng A S có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Vòng A S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 45.670.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vòng A S chậm thi hành số tiền gốc nêu trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 84.029.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi chín ngàn đồng) (Làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 00001803 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà L còn phải nộp thêm số tiền là 76.529.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng).

3.2. Ông Vòng A S phải nộp 84.388.000 đồng (Tám mươi bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) (Làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Ông S, bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Đức

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **62/2023/QĐ-SCBSBA**

Trảng Bom, ngày 18 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả, nhầm lẫn do tính toán trong Bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DSST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 20/4 khu 4, ấp TT, xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Vòng A S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 943 đường ST – BH, Ấp TV, xã BH, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số: 118/2023/DSST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai như sau:

Tại dòng thứ 15, 16, 17, 18, 19 và 20 trang thứ 6 (tính từ trên xuống) của bản án đã ghi: “1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.”.

Nay được bổ sung như sau: “1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 3.214 m² được giới hạn bởi các điểm (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 2) theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2405/2023 ngày 05/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.”.

Ông Vòng A S có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 578656, sổ vào sổ cấp GCN: CS04166 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/6/2020 cho bà Lý Liên, điều chỉnh biến động tặng cho ông Vòng A S và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được ghi nhận tại mục IV có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Trảng Bom cho bà Nguyễn Thị Mỹ L để bà L làm thủ tục đăng ký biến động và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.”.

Các nội dung khác của bản án vẫn giữ nguyên.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- Chi cục THADS H. Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TRẦN BÁ ĐỨC

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

